

Bản án số: 15/2020/DS-ST
Ngày 07-8-2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhã

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Đắc Hân

Ông Hoàng Đ Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2020/TLST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2020/QĐXXST-DS ngày 01/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2020/QĐST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Văn Đ và bà Vũ Thị T; địa chỉ: Đội 1, thôn Đ, xã H, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T
- Luật sư văn phòng luật sư Lam Sơn thuộc Đoàn luật sư thành phố Hải Phòng. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Đặng Duy M và bà Bùi Thị H; địa chỉ: Đội 1, thôn Đ, xã H, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Người đại diện theo ủy quyền của bà Bùi Thị H: Ông Đặng Duy M; địa chỉ: Đội 1, thôn Đ, xã H, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 03/01/2020, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Trần Văn Đ và Vũ Thị T trình bày:

Ông Đ, bà T là hàng xóm với ông M bà H. Ông M bà H nói có khả năng nhận làm được hôn thuê cho con trai ông bà lấy vợ nước ngoài nên yêu cầu ông bà nếu

chuẩn bị đủ số tiền 400.000.000 đồng thì sẽ làm thủ tục cho con trai ông bà được. Ngày 19/6/2014, ông bà đã giao đủ tiền cho vợ chồng ông M, bà H và ông M, bà H đã viết giấy công nhận đã nhận đủ số tiền 400.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, vợ chồng ông M không làm thủ tục cho con trai ông bà đi nước ngoài như đã hứa hẹn vì thế ông bà đã đến đòi vợ chồng ông M nhiều lần nhưng vợ chồng ông M chỉ hứa hẹn nhưng không trả. Nay vợ chồng ông bà đề nghị vợ chồng ông M trả đủ số tiền 400.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất ngân hàng Nhà nước với lãi suất 9%/năm của số tiền 400.000.000 đồng từ thời điểm ngày 19/6/2014 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Đồng ý với lời trình bày và quan điểm giải quyết vụ án của nguyên đơn, đề nghị Tòa án chấp nhận.

Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Đặng Duy M trình bày: Vợ chồng ông bà có quan hệ hàng xóm với ông Đ bà T nên có nhận làm hôn thê cho con trai ông Đ, bà T đi Thụy Điển. Ngày 19/6/2014, sau khi ông Đ, bà T đưa cho vợ chồng ông số tiền 400.000.000 đồng thì ông bà có viết giấy công nhận tiền với nội dung có nhận đủ số tiền 400.000.000 đồng. Nay do không làm thủ tục cho con trai ông Đ, bà T đi nước ngoài được nên ông Đ, bà T yêu cầu vợ chồng ông bà trả lại số tiền 400.000.000 đồng, quan điểm của vợ chồng ông bà đồng ý trả nợ cho ông Đ, bà T đủ số tiền 400.000.000 đồng và tiền lãi 9%/ năm của số tiền 400.000.000 đồng từ ngày nhận tiền của ông Đ, bà T đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bà Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị và về việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 122, Điều 290, Điều 471, khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 357; Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc và tiền lãi tính từ ngày nhận tiền của ông Đ, bà T đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 9%/năm; bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng: Đây là quan hệ vay tài sản là tiền nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Đặng Duy M là đại diện theo ủy quyền của bà Bùi Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Đặng Duy M.

[2] Về yêu cầu đòi nợ của nguyên đơn:

[2.1] Đối với số tiền nợ gốc: Sự thừa nhận của các bên về quan hệ vay nợ, số tiền vay, thời điểm vay và số nợ còn lại thuộc trường hợp không phải chứng minh; căn cứ vào Điều 92 của BLTTDS Tòa án công nhận đó là sự thật. Vậy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả 400.000.000 đồng là có căn cứ.

[2.2] Đối với yêu cầu tính lãi suất: Nguyên đơn yêu cầu được tính lãi suất theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định là 9%/năm, bị đơn đồng ý. Xét thỏa thuận xuất phát từ quyền tự định đoạt của đương sự được pháp luật ghi nhận và không vượt quá lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên chấp nhận mức lãi suất 9%/năm (0,75%/tháng) như thỏa thuận giữa các bên và xác định được số tiền lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 220.900.000 đồng (Đến ngày xét xử là 73 tháng 19 ngày x 0,75%/tháng x 400.000.000 đồng).

[3] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 122, Điều 290, Điều 471, khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 357; Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn Đ và bà Vũ Thị T; buộc ông Đặng Duy M và bà Bùi Thị H phải trả nợ cho ông Trần Văn Đ và bà Vũ Thị T tổng số tiền tính đến ngày 07/8/2020 là 620.900.000 đồng (nợ gốc là 400.000.000 đồng, nợ lãi là 220.900.000 đồng).

Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy

định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí sơ thẩm: Ông Đặng Duy M và bà Bùi Thị H phải nộp 28.836.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.

Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND; TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nhã

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Khúc Trọng Quang

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ.....phút ngày 16 tháng 05 năm 2018.

Tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Khúc Trọng Quang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thúy Mỡ

Ông Bùi Đ KH

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 148/2017/TLST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2017 về việc tranh chấp “hợp đồng tín dụng” giữa:

- Nguyên đơn: Công ty tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng; Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà Ree, số 9, Đoàn Văn Bơ, phường 12, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Ngô Văn Phong, sinh năm 1981; cư trú tại: Số 16A/119 Trung Hành, phường Đằng Lâm, quận Hải An, thành phố Hải Phòng là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 94/UQTT-QTRR.17 ngày 11 tháng 12 năm 2017 của Công ty tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng), có mặt.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn Tình, sinh năm 1993; Cư trú tại: Thôn 1, xã Thủy Sơn, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, vắng mặt

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỤ THỂ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

1. Về điều luật áp dụng:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244 của Bộ luật Tổ tụng dân sự; Điều 122, Điều 290, Điều 471, khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; các điều 91 và 95 của Luật Các Tổ chức Tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

2. Về nội dung vụ án:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện về số tiền lãi phát sinh trên khoản nợ gốc mà anh Phạm Văn Tình phải trả tính từ thời điểm vi phạm nghĩa vụ thanh toán đến ngày 16/5/2018.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng, buộc anh Phạm Văn Tình phải trả nợ cho Công ty Tài chính Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Ngân hàng Việt Nam Thịnh vượng số tiền tính đến ngày 16 tháng 5 năm 2018 là 27.893.960 đồng.

Anh Phạm Văn Tình vẫn phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc kể từ ngày 17/5/2018 theo mức lãi suất quy định tại Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20160218-133021-0687 ngày 18/2/2016 được ký giữa Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng và anh Phạm Văn Tình cho đến khi thanh toán hết khoản nợ .

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Về án phí sơ thẩm: Anh Phạm Văn Tình phải nộp 1.394.698 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Công ty Tài chính Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Ngân hàng Việt Nam Thịnh vượng số tiền 1.000.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng theo biên lai số 0008584 ngày 19 tháng 12 năm 2017.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Kết quả biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi.....giờ....phút ngày 16 tháng 5 năm 2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Bùi Thúy Mỡ – Bùi Đ KH

Khúc Trọng Quang

